

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **268** /2026/HNGĐ-ST

Ngày 05/5/2026

Về việc: “Ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Long và bà Hoàng Thị Minh Khánh.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên toà:* Ông Lê Hải Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06/01/2026 về việc “Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 16/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn với nhau vào năm 2023, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2023 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình), (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2023, ngày 22 tháng 01 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn Q, xã Đ (nay là xã Đ) cùng với gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 12 năm

2025 anh Hoàng Văn V có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn V trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung; chị T liên tục nói lời chê bai, trách móc, coi thường anh và gia đình nhà chồng dẫn đến thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã, xích mích nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả, hiện anh và chị T đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh V đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

- Về quan hệ con: Anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T có 01 người con là Hoàng Minh L, sinh ngày 01/02/2020. Cháu L hiện đang sống cùng chị T.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh V có quan điểm cháu L là con riêng của chị T với người đàn ông khác, do bố đẻ không nhận nên không làm được giấy khai sinh cho cháu. Xuất phát từ tình thương anh đã chấp nhận và hoàn thiện các thủ tục pháp lý để làm giấy khai sinh cho cháu L và nhận cháu là con của anh. Nay anh và chị T ly hôn, anh xác định cháu L không phải là con của anh, đề nghị Tòa án giao cháu cho chị T là người trực tiếp tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Hoàng Văn V xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Hoàng Văn V xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Anh V và chị T kết hôn với nhau vào năm 2023 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Q, xã Đ cùng với gia đình nhà anh V. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình và thôn nhiều lần hoà giải nhưng không thành, cuối năm 2025 chị T đưa con vào miền N sinh sống cùng gia đình chị T tại phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Tại Biên bản làm việc với bà Ban Thị T1 – mẹ nuôi của chị T thể hiện: Bà và chị T vẫn thường xuyên liên hệ điện thoại với nhau, bà cũng đã nhiều lần khuyên nhủ chị T trở về để giải quyết việc ly hôn nhưng chị T có nói lại quan điểm của chị T xác định tình cảm không còn, đồng ý ly hôn với anh V nhưng do anh V nói nặng lời, có ý xúc phạm chị T nên chị T không về. Về con cái, khi anh V chị T kết hôn đã

có cháu Hoàng Minh L, anh V chị T và gia đình 2 bên đều xác định cháu là con chung của vợ chồng. Chị T và cháu L hiện đang sinh sống, làm việc và học tập ở phường T, tỉnh Bình Dương cũ, nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh, quan điểm của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu L và không yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi và việc học của cháu L, trường hợp chị T và anh V ly hôn, đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng T không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập họp lệ nhiều lần chị T vẫn không đến làm việc. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trong quá trình giải quyết không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn vào năm 2023 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, vợ chồng hiện sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 68, 69, 70, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho anh Hoàng Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T; giao cháu Hoàng Minh L, sinh ngày 01/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Hồng T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện anh Hoàng Văn V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T và giao nuôi con khi ly hôn; không đề nghị giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung. Bị đơn chị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”,

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T nhiều lần nhưng chị T không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 24/02/2023 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, tháng 12 năm 2025 anh Hoàng Văn V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ kết quả xác minh xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống thiếu lòng tin vào nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau và hiện đang sống ly thân. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc nên xác định hôn nhân của anh V và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Hoàng Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

2.2. Về quan hệ con: Anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T có 01 người con là Hoàng Minh L, sinh ngày 01/02/2020, cháu L hiện đang sống cùng chị T tại thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh V xác định cháu L không phải là con chung của anh với chị T, đề nghị Tòa án giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy, tại Giấy khai sinh số 85 ngày 18/02/2020 của UBND phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (cũ) thể hiện: Họ, chữ đệm, tên con: Hoàng Minh L; ngày, tháng, năm sinh: 01/02/2020. Họ, chữ đệm, tên người mẹ: Nguyễn Thị Hồng T, năm sinh: 29/9/1990. Họ, chữ đệm, tên người cha: Hoàng Văn V, năm sinh: 26/9/1991. Mặc dù anh V không thừa nhận cháu L là con của anh nhưng anh đã đồng ý chấp nhận cháu là con của mình và đứng tên người cha trong giấy khai sinh của cháu, anh V cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh anh và cháu L không có quan hệ cha con. Như vậy, trên pháp lý anh V là cha của cháu L. Kết quả xác minh xác định được chị T và cháu L hiện đang sinh sống và làm việc tại phường T, thành

phố Hồ Chí Minh, chị T có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu L và không yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu.

Từ nhận định trên, có căn cứ xác định cháu Hoàng Minh L là con của anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết anh V và chị L cùng có quan điểm giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo việc thi hành án (do cháu L đang ở với chị T) và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Hoàng Minh L, sinh ngày 01/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Hồng T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Hoàng Văn V không có nghĩa vụ cấp dưỡng và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom cháu L mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Anh Hoàng Văn V và chị Nguyễn Thị Hồng T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Hoàng Văn V là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh V được miễn nộp khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 68, 69, 70, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2023, ngày 22 tháng 01 năm 2023 tại UBND phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình)).

2. Về quan hệ con: Giao cháu Hoàng Minh L, sinh ngày 01/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Hồng T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Hoàng Văn V không phải cấp dưỡng nuôi cháu L và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom cháu mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn nộp khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hoàng Văn V. Trả lại cho anh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000011401840, ngày 06/01/2026 của Công ty cổ phần T2 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 5, ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Chị Nguyễn Thị Hồng T không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Viên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang;
- T.H.A dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (Nơi ĐKKH);
- UBND xã Đông Thọ, tỉnh Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến